

*
Số 163 -KH/HNDT

KẾ HOẠCH

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Bình Dương khóa IX, nhiệm kỳ 2018 - 2023 và Chương trình Công tác năm 2021 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 291-KH/HNDTW, ngày 09/3/2021 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2018-2023.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bình Dương xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã nêu trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023. Từ đó làm rõ những mặt cần được phát huy, những tồn tại cần khắc phục, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết. Đồng thời xác định các giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong nửa nhiệm kỳ còn lại gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Yêu cầu

- Đánh giá đúng kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân qua nửa đầu nhiệm kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023. Trên cơ sở đó đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023 trong nửa cuối nhiệm kỳ còn lại gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Việc tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí; đảm bảo an toàn trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Báo cáo sơ kết viết ngắn gọn, có số liệu minh họa và so sánh kết quả đã đạt được, chỉ ra mức độ hoàn thành và khả năng hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ 2018-2023.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, THỜI GIAN VÀ THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU

1. Nội dung

1.1. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết:

- Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VII và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX và Đại hội Hội Nông dân các cấp, nhiệm kỳ 2018-2023.

- Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch hoạt động; cụ thể hóa xây dựng các văn bản chỉ đạo ở các cấp Hội nhằm tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết.

- Công tác kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện Nghị quyết.

1.2. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết trong nửa đầu nhiệm kỳ:

- Tập trung đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp (có số liệu cụ thể minh họa, so sánh).

- Đánh giá những mặt được, những hạn chế, khó khăn trong thực hiện Nghị quyết; nguyên nhân hạn chế; những bài học kinh nghiệm được đúc rút trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

1.3. Dự báo tình hình, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung tổ chức thực hiện trong thời gian tới, những kiến nghị, đề xuất nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra khi kết thúc nhiệm kỳ gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Hình thức tổ chức, thời gian thực hiện

- Hình thức tổ chức:

Việc sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX cần thực hiện từ cấp cơ sở, cấp huyện và cấp tỉnh. Các cấp Hội căn cứ vào diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 ở địa phương để quyết định hình thức tổ chức sơ kết phù hợp, đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch của địa phương và báo cáo về Hội Nông dân cấp trên trực tiếp.

- Thời gian thực hiện:

- + Cấp cơ sở và cấp huyện, thị, thành phố: Tổ chức sơ kết xong trong quý II/2021 (trước ngày 15/6/2021).

- + Cấp tỉnh: Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Dương lần thứ IX, nhiệm kỳ 2018-2023 gắn với sơ kết công tác Hội và phong trào nông dân 6 tháng đầu năm 2021 (Hội nghị Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh lần thứ 7, khóa IX): Tháng 7/2021.

3. Thành phần đại biểu

- Đối với cấp cơ sở và cấp huyện, thị, thành phố:

- + Đại biểu triệu tập: Các ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra Hội Nông dân cấp cơ sở và cấp huyện, thị, thành phố.

+ Đại biểu mời: Do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp cơ sở và cấp huyện, thị, thành phố quyết định

- Đối với cấp tỉnh:

+ Đại biểu triệu tập: Các ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ủy ban kiểm tra Hội Nông dân tỉnh nhiệm kỳ 2018 – 2023.

+ Đại biểu mời: Do Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp tỉnh quyết định

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Nông dân tỉnh

- Giao Ban Tổ chức – Hành chính – Kiểm tra tham mưu xây dựng các văn bản chỉ đạo, đơn đốc việc tiến hành sơ kết giữa nhiệm kỳ và đề cương báo cáo để hướng dẫn Hội Nông dân huyện, thị, thành phố xây dựng báo cáo sơ kết; dự thảo báo cáo và dự trù kinh phí tổ chức Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ gắn với sơ kết công tác Hội và phong trào nông dân 6 tháng đầu năm 2021.

- Các ban, đơn vị trực thuộc Hội Nông dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công trong nửa đầu nhiệm kỳ và gửi báo cáo về Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh (qua Ban Tổ chức – Hành chính – Kiểm tra).

2. Hội Nông dân huyện, thị, thành phố

- Căn cứ vào kế hoạch này để xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo Hội Nông dân cấp cơ sở thực hiện. Đồng thời tổ chức sơ kết và gửi báo cáo về Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh (qua Ban Tổ chức – Hành chính – Kiểm tra) trước ngày 20/6/2021 (Có đề cương và phụ lục số liệu báo cáo kèm theo).

- Báo cáo cấp ủy xin ý kiến tổ chức Hội nghị đúng quy định, chú ý kiện toàn Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành và Ủy ban kiểm tra theo Điều lệ Hội.

3. Trong quá trình triển khai sơ kết, các cấp Hội chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức khảo sát điểm tại cơ sở để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, phát hiện các mô hình hoạt động Hội có hiệu quả và các điển hình tiên tiến để tuyên truyền, nhân rộng.

Nơi nhận:

- Văn phòng TW Hội NDVN;
- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Nông dân huyện, thị, thành phố;
- Lưu Ban TC-HC-KT, đc Ly, Website.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Đỗ Ngọc Huy

*
Số - BC/HND....

BÁO CÁO

Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu
Hội Nông dân các cấp, nhiệm kỳ 2018- 2023

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIỮA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU HỘI NÔNG DÂN CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2018-2023

A. TÌNH HÌNH NÔNG DÂN, NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. Tình hình nông dân

II. Tình hình sản xuất nông nghiệp

III. Tình hình nông thôn

B. KẾT QUẢ GIỮA NHIỆM KỲ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI HỘI NÔNG DÂN CÁC CẤP

I. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết:

- Việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân các cấp.

- Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch hoạt động; cụ thể hóa, xây dựng các văn bản chỉ đạo ở các cấp Hội nhằm tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu trong Nghị quyết.

- Công tác kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện Nghị quyết.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết trong nửa đầu nhiệm kỳ 2018 – 2023

1. Xây dựng tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam vững mạnh

1.1. Về công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân các cấp; các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh và của Hội Nông dân Việt Nam,....

- Nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, hội viên, nông dân; những mô hình điển hình; kết quả nổi bật

1.2. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội

- Về thực hiện các nghị quyết, đề án liên quan đến công tác xây dựng Hội, trọng tâm là các Nghị quyết số 04, 05, 06 của BCH Trung ương Hội khóa VII.

- Đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt chi, tổ Hội gắn với công tác phát triển và nâng cao chất lượng hội viên; việc xây dựng và hiệu quả hoạt động của các chi Hội, tổ Hội nông dân nghề nghiệp.

- Thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ Hội các cấp; Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội và hội viên.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Xây dựng, kiện toàn Ủy ban Kiểm tra các cấp ở địa phương.

- Xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm.

- Kết quả kiểm tra, giám sát: Số cuộc và nội dung kiểm tra, giám sát; số vụ có vi phạm được phát hiện và số vụ phải xử lý kỷ luật (*nêu cụ thể vụ việc và hình thức kỷ luật nếu có*).

1.4. Công tác Thi đua, khen thưởng

Việc tổ chức phát động phong trào thi đua và kết quả công tác thi đua, khen thưởng.

1.5. Xây dựng giai cấp nông dân và người nông dân thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế

- Kết quả vận động, hướng dẫn nông dân tiếp cận với sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ nano vào sản xuất.

- Công tác đào tạo nghề cho nông dân, chủ trang trại, gia trại ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông sản hàng hóa.

- Tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân xây dựng lối sống lành mạnh, có lòng yêu nước, có tinh thần tự lực, tự cường, có ý thức trách nhiệm tập thể...

2. Vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững

2.1. Đẩy mạnh Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai.

- Kết quả đăng ký và thực hiện chỉ tiêu hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

- Những gương nông dân, những mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt qua khó khăn, thoát nghèo và vươn lên làm giàu.

2.2. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh

2.2.1. Hỗ trợ vốn cho nông dân

- Kết quả phát triển nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân; hiệu quả sử dụng vốn.

- Kết quả phối hợp với Ngân hàng Chính sách- Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạo điều kiện cho nông dân vay vốn.

- Kết quả phối hợp với các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác trên địa bàn (nếu có).

2.2.2. Tổ chức đào tạo nghề cho nông dân

- Việc đổi mới nội dung, hình thức đào tạo nghề cho nông dân.

- Kết quả đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nông dân.

2.2.3. Hoạt động cung ứng vật tư, thiết bị nông nghiệp

- Kết quả cung ứng vật tư đầu vào cho nông dân (giống, thức ăn, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy nông nghiệp...).

- Vận động, hướng dẫn, giới thiệu, hỗ trợ nông dân xây dựng nhà lưới, nhà kính và hệ thống tưới nhỏ giọt trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

2.2.4. Hỗ trợ hội viên, nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học, công nghệ

- Tổ chức tập huấn, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao cho nông dân.

- Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ mới theo chuỗi giá trị đạt tiêu chuẩn chất lượng Vietgap, Globalgap.

- Tập huấn, hướng dẫn nông dân sử dụng và truy cập mạng Internet để phục vụ sản xuất, kinh doanh.

2.2.5. Hỗ trợ hội viên, nông dân quảng bá và tiêu thụ sản phẩm

- Những mô hình, cách làm sáng tạo để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Hỗ trợ nông dân xây dựng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, thương hiệu nông sản.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

2.2.6. Kết quả công tác tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân.

2.3. Xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế có hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn

- Kết quả phối hợp với doanh nghiệp, Nhà nước, ngân hàng, nhà khoa học, nhà phân phối hướng dẫn, hỗ trợ nông dân xây dựng các mô hình kinh tế trang trại, gia trại, phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nông nghiệp hữu cơ, gắn sản xuất, kinh doanh nông nghiệp với du lịch, giảm nghèo bền vững...

- Tư vấn, giới thiệu các mô hình sản xuất, kinh doanh giúp quảng bá và xây dựng thương hiệu sản phẩm cho nông dân; gắn kết các mô hình với chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, hội viên, nông dân.

- Kết quả thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020.

2.4. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp

- Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn.

- Kết quả vận động, hướng dẫn nông dân thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã. Hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã do Hội hướng dẫn.

2.5. Vận động nông dân tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và bảo vệ môi trường

- Kết quả xây dựng các mô hình điểm trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu.

- Tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết quả xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường trong sản xuất, xử lý chất thải trong sinh hoạt ở địa bàn nông thôn.

- Kết quả vận động hội viên, nông dân xây dựng gia đình văn hóa, tham gia xây dựng khu, ấp, xã, phường, thị trấn văn hóa.

- Thực hiện Phong trào “Vệ sinh yêu nước, nâng cao sức khỏe nhân dân” do Chính phủ phát động và các chương trình mục tiêu về y tế, giáo dục, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh, an toàn thực phẩm, bình đẳng giới, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, giáo dục trẻ em, các chính sách đối với người có

công với cách mạng; phối hợp tạo điều kiện cho nông dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

3. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

3.1. Tham gia xây dựng Đảng

3.2. Tham gia xây dựng chính quyền

3.3. Tham gia xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, chính quyền với nhân dân và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

4.1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước

4.2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình phối hợp của Hội Nông dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

4.3. Thực hiện chính sách “Hậu phương quân đội”; các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”.

C. Đánh giá chung

1. Những kết quả nổi bật

2. Những hạn chế, khó khăn (cần đánh giá cụ thể)

- Về xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.
- Về vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững.
- Về tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

3. Nguyên nhân của hạn chế, khó khăn

4. Những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Nghị quyết

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẾN HẾT NHIỆM KỲ

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, CHỈ TIÊU

I. Dự báo tình hình

II. Các chỉ tiêu cụ thể

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- I. Về xây dựng tổ chức Hội và giai cấp nông dân Việt Nam vững mạnh.
- II. Về vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững.
- III. Về tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- IV. Về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

*** ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Những kiến nghị, đề xuất nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra khi kết thúc nhiệm kỳ gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

Nơi nhận:

T/M BAN THƯỜNG VỤ
(Ký tên và đóng dấu)

Biểu số liệu kết quả các chỉ tiêu
giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu
Hội Nông dân các cấp, nhiệm kỳ 2018- 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu cả nhiệm kỳ 2018 - 2023	Kết quả thực hiện nửa đầu nhiệm kỳ 2018 - 2023			Tỷ lệ (%)
				năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
1	Tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, hội viên	Hội viên					
	Chi Hội có báo Nông thôn Ngày nay	Chi hội					
	Hội viên được truy cập internet	Hội viên					
2	Kết nạp hội viên mới	Hội viên					
	Cơ sở Hội khá và vững mạnh	Cơ sở Hội					
	Cơ sở Hội yếu kém	Cơ sở Hội					
3	Cán bộ Hội chuyên trách công tác Hội được tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức canh tác nông nghiệp và kỹ năng công tác nông vận	Người					
	Cán bộ Hội chuyên trách cấp huyện, thị, thành phố đạt chuẩn theo quy định	Người					
	Chủ tịch Hội Nông dân cấp xã được đào tạo có trình độ trung cấp Lý luận chính trị, trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên	Người					

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu cả nhiệm kỳ 2018 - 2023	Kết quả thực hiện nửa đầu nhiệm kỳ 2018 - 2023				Tỷ lệ (%)
				năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Tổng cộng	
	Cán bộ Chi Hội, Tổ Hội được bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng, phương pháp công tác Hội	Người						
4	Chi Hội xây dựng được Quỹ hoạt động của Hội	Chi hội						
	Tổng số tiền Quỹ hoạt động của Hội	Triệu đồng						
5	Hộ đăng ký phân đấu SXKDG các cấp hàng năm	Hộ						
	Hộ đăng ký đạt danh hiệu SXKDG các cấp hàng năm	Hộ						
6	Hội Nông dân cấp huyện, thị, thành phố chủ trì, phối hợp tổ chức đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nông dân	Cuộc						
	Hội Nông dân cấp xã chủ trì, phối hợp tổ chức đối thoại giữa cấp ủy, chính quyền với nông dân	Cuộc						
	Hội Nông dân cấp tỉnh tổ chức được hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân	%						
7	Hội Nông dân cấp huyện tổ chức được hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân	%						
	Hội Nông dân cấp xã, phường, thị trấn tổ chức được hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân	%						
8	Tăng trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân	Triệu đồng						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu cả nhiệm kỳ 2018 - 2023	Kết quả thực hiện nửa đầu nhiệm kỳ 2018 - 2023				Tỷ lệ (%)
				năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Tổng cộng	
9	Hội viên Hội Nông dân được tiếp cận thông tin thị trường, khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	%						
10	Hội Nông dân cấp xã chủ trì, phối hợp tham gia tư vấn, hỗ trợ xây dựng được hợp tác xã hoặc tổ hợp tác	HTX						
		THT						
11	Cơ sở Hội xây dựng được mô hình về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu	Mô hình						
12	Hội viên Hội Nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Hộ						
		Hộ						
13	Hội viên Hội Nông dân tham gia bảo hiểm y tế	Hộ						
14	Hội viên Hội Nông dân được phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế	%						
		Cơ sở Hội						

Ghi chú:

- Số liệu đầu nhiệm kỳ tính từ tháng 01/2019;
- Số liệu giữa nhiệm kỳ tính đến hết tháng 6/2021;

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM
HỘI NÔNG DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
BCH HND HUYỆN, THỊ, THÀNH
 *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
ngày tháng năm 2021

BIỂU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN GIỮA NHIỆM KỲ 2018-2023

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
1	XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN VIỆT NAM VỮNG MẠNH					
1	Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng:					
1.1	- Số buổi tuyên truyền	Buổi				
	- Số hội viên, nông dân được tuyên truyền	lượt người				
1.2	- Số chi Hội có Báo Nông thôn Ngày nay	chi Hội				
2	Công tác xây dựng, củng cố tổ chức Hội:					
2.1	- Tổng số hội viên	hội viên				
	- Kết nạp hội viên mới	hội viên				
	- Số hội viên được kết nạp Đảng	hội viên				
2.2	- Tổng số cơ sở Hội	cơ sở				
2.3	Xây dựng Quy Hội					
	- Số chi Hội có Quy Hội	chi Hội				
	- Tổng số Quy Hội	Triệu đồng				
2.4	Thành lập Chi hội nông dân nghề nghiệp					
	- Số Chi Hội Nông dân nghề nghiệp được thành lập mới	chi Hội				

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
	- Số hội viên tham gia	Người				
2.5	Thành lập tổ Hội Nông dân nghề nghiệp					
	- Số tổ Hội Nông dân nghề nghiệp được thành lập mới	tổ Hội				
	- Số hội viên tham gia	Người				
2.6	Đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội					
	- Số cán bộ Hội chuyên trách được đi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ	Người				
	- Hội trực tiếp mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội	lớp				
	Lượt cán bộ dự học	Lượt người				
	- Hội phối hợp mở lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ khác	lớp				
	Lượt cán bộ dự học	Lượt người				
II VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ĐÔ THỊ VĂN MINH VÀ GIẢM NGÈO BỀN VỮNG						
1	Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững					
1.1	- Số hộ nông dân đăng ký phần đấu SXKD giỏi các cấp hằng năm	hộ				
1.2	- Số hộ nông dân đạt danh hiệu SXKD giỏi các cấp hằng năm	hộ				
1.3	Kết quả vận động hội viên giúp nhau vượt khó, thoát nghèo:					
	- Tổng số tiền quyên góp, hỗ trợ	Triệu đồng				
	- Tổng số ngày công	Ngày				
	- Số vật tư (cây, con giống), lương thực... giúp đỡ hỗ trợ, tính giá trị thành tiền	Triệu đồng				
	- Số hộ được Hội trực tiếp giúp đỡ thoát nghèo	hộ				
2	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, dịch vụ, đào tạo nghề cho nông dân phát triển sản xuất					

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			<i>năm 2019</i>	<i>năm 2020</i>	<i>6 tháng đầu năm 2021</i>	
2.1	Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân (Quỹ HTND)					
		- Cấp tỉnh	Triệu đồng			
		- Cấp huyện	Triệu đồng			
		- HNND cấp xã vận động	Triệu đồng			
		- Tổng số vốn tăng 3 cấp (tỉnh, huyện, xã)	Triệu đồng			
		- Số lượt hộ được vay vốn Quỹ	hộ			
2.2	Số dự án được vay		Dự án			
2.3	Kết quả phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội		Tổ			
			Tỷ đồng			
			Hộ			
			Tỷ đồng			
			Tổ			
			Tỷ đồng			
2.4	Chương trình phối hợp với các Ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng khác		Tỷ đồng			
			Hộ			
2.5	Số lượt hộ vay		Tỷ đồng			
			Hộ			
2.6	Số nông dân sau đào tạo nghề có việc làm		Người			

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
	- Số hội viên, nông dân được tham dự các buổi tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật	Người				
	- Số mô hình SX nông nghiệp theo chuỗi giá trị được Hội hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng	Mô hình				
	- Hỗ trợ hội viên nông dân tham gia hội chợ quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp	Cuộc				
2.7	Sản phẩm OCOP được công nhận	Sản phẩm				
2.8	Phối hợp cung ứng vật tư đầu vào, máy nông nghiệp hỗ trợ nông dân sản xuất					
a	Số lượng phân bón các loại	Tấn				
	- Trị giá thành tiền	Triệu đồng				
b	Số lượng giống các loại	Tấn				
	- Trị giá thành tiền	Triệu đồng				
c	Số lượng thuốc BVTV	Tấn				
	- Trị giá thành tiền	Triệu đồng				
d	Số lượng thức ăn chăn nuôi	Tấn				
	- Trị giá thành tiền	Triệu đồng				
e	Số lượng máy nông nghiệp	Máy				
	- Trị giá thành tiền	Triệu đồng				
3	Vận động nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp					
3.1	Vận động, hướng dẫn thành lập mới hợp tác xã (HTX)					
	- Số Hợp tác xã do HND trực tiếp tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thành lập mới	HTX				
	- Số thành viên HTX	Người				

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
3.2	Vận động, hướng dẫn thành lập mới tổ hợp tác (THTT) - Số Tổ hợp tác do HNND trực tiếp tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thành lập mới - Số thành viên THTT					
4	Vận động nông dân thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới và bảo vệ môi trường					
4.1	- Số hộ nông dân đăng ký xây dựng gia đình văn hóa hàng năm - Số hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa hàng năm	hộ				
4.2	Vận động nông dân tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn					
	- Tổng số tiền do nông dân đóng góp	triệu đồng				
	- Tổng số ngày công lao động	công				
	- Diện tích đất đã hiến	m ²				
	- Đường giao thông đã được làm mới, sửa chữa	km				
	- Kênh mương đã được kiên cố hóa, sửa chữa	km				
	- Số cầu, cống đã làm mới, sửa chữa	chiếc				
4.3	Vận động hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn					
	- Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản đăng ký, cam kết đảm bảo an toàn VSSTP	Hộ				
	- Số hộ hội viên nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản được công nhận đảm bảo an toàn VSSTP	Hộ				
4.4	Vận động nông dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế					
	- Số hội viên tham gia đóng bảo hiểm y tế	Hội viên				
	- Số hội viên tham gia đóng bảo hiểm xã hội	Hội viên				
4.5	Hướng dẫn xây dựng mô hình Hội Nông dân tham gia bảo vệ môi trường nông thôn					

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN			TỔNG CỘNG
			năm 2019	năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	
	- Số mô hình bảo vệ môi trường nông thôn	Mô hình				
III	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH					
1	Số hội viên nông dân được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	Lượt người				
2	Tổng số mô hình tự quản về an ninh, trật tự do HND vận động, hướng dẫn thành lập	Mô hình				
3	Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, công tác đền ơn đáp nghĩa					
	- Số gia đình chính sách được thăm hỏi	Hộ				
	- Số quà tặng trị giá thành tiền	triệu đồng				
	- Hội vận động xây dựng nhà tình nghĩa	nhà				
	- Giá trị thành tiền	triệu đồng				
IV	CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ					
1	Quan hệ, hợp tác với các tổ chức quốc tế	Tổ chức				
2	Kinh phí từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án	triệu đồng				
3	Cán bộ Hội được đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài.	Lượt người				
4	Hội viên nông dân được đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài.	Lượt người				

Ghi chú:

- Số liệu đầu nhiệm kỳ tính từ tháng 01/2019.
- Số liệu giữa nhiệm kỳ tính đến hết tháng 6/2021.